

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU

Phiếu an toàn hóa chất số: LL75-0002

Thông tin công ty

Tên nhà sản xuất: Mitsubishi Plastics, Inc.
Tên bộ phận: Phòng Vật liệu Composite, Bộ phận Vật liệu Công nghiệp
Địa chỉ: 2-2, Nihonbashi Hongokuchō 1-chōme, Chuo-ku,
Tokyo 103-0021 Nhật Bản
Điện thoại: 81-3-3279-3064/ 3065
Fax: 81-3-3279-6672
Ngày lập hoặc sửa đổi: 23/4/2008

1. Tên sản phẩm:

ALPOLICTM/fr, Vật liệu Nhôm Composite với lõi khoáng chống cháy.

2. Cấu tạo:

Nhôm
Polyethylene
Nhôm tri-hydroxide làm lớp khoáng chống cháy
Lớp sơn phủ

Số CAS của từng thành phần:

Nhôm: 7429-90-5
Polyethylene: 9002-88-4
Nhôm tri-hydroxit làm lớp khoáng chống cháy: 21645-51-2
Lớp sơn phủ fluorocarbon: 98728-78-0 & 88795-12-4

Nhận biết theo Liên Hợp Quốc

Không được nêu trong danh mục nhận biết của Liên Hợp Quốc
Sản phẩm không chứa asbestos

3. Nhận dạng độ nguy hại:

Không áp dụng đối với các phân loại về độ nguy hại

4. Các biện pháp sơ cứu

Tiếp xúc với mắt: Khi hạt và/ hoặc bột rơi vào mắt trong quá trình xử lý cơ học của sản phẩm, rửa mắt bằng nước sạch. Nếu sau đó vẫn còn hiện tượng kích ứng, cần đến gặp bác sĩ nhãn khoa ngay.

Tiếp xúc với da: Trong trường hợp bị bỏng nhẹ do sản phẩm nóng, ngay lập tức xả nhiều nước lên vùng da bị bỏng để làm mát. Trường hợp bị bỏng nặng, cần đến gặp bác sĩ ngay.

Hít phải: Khi hít phải lượng lớn bột và/ hoặc hạt trong quá trình xử lý cơ học của sản phẩm, chuyển người bị thương đến nơi thoáng khí, để người bị thương nghỉ ngơi và giữ ấm, liên hệ cơ sở y tế gần nhất.

Nuốt phải: Khi nuốt phải lượng lớn bột và/ hoặc hạt trong quá trình xử lý cơ học của sản phẩm, cần đến cơ sở y tế kiểm tra ngay.

5. Các biện pháp chữa cháy:

Ngăn chặn đám cháy lan rộng: Trường hợp xảy ra cháy gần sản phẩm, phủ tấm chống cháy hoặc cát khô lên sản phẩm để ngay đám cháy lan tới sản phẩm.

Chữa cháy: Nếu sản phẩm bắt cháy, dội nước sẽ hiệu quả trong việc dập lửa ban đầu. Phải thực hiện chữa cháy từ phân dưới lên trên của sản phẩm, đồng thời phải thực hiện từ phía đầu gió và đeo thiết bị hỗ trợ hô hấp.

Phương tiện chữa cháy: Nước, cacbon đioxit, bột hóa chất khô và bình chữa cháy dùng bột.

6. Các biện pháp xử lý tình huống hóa chất bị xả ra bất ngờ:

Không áp dụng. Nhìn chung, sản phẩm khó có thể tràn ra bất ngờ vì ở dạng rắn

7. Xử lý và bảo quản

Xử lý: Đeo găng tay để bảo vệ tránh đứt tay và xây xát do các cạnh cửa tấm.

Bảo quản: Đặt sản phẩm nằm ngang để có thể xếp chồng lên nhau mà không bị lệch. Không để sản phẩm bị mưa làm ướt. Tránh xa các hóa chất như axit, kiềm, chất oxy hóa mạnh và clorua, dung môi hữu cơ, tia lửa và lửa

8. Kiểm soát phơi nhiễm

Hàm lượng kiểm soát: Không được thiết lập tại Bộ Lao Động Nhật Bản, Thông báo số 26, ngày 27/3/1995.

Hàm lượng cho phép: Thông thường không bắt buộc kiểm soát. Tuy nhiên, trường hợp xuất hiện lượng lớn bột và hạt do xử lý cơ học sản phẩm, áp dụng các tiêu chuẩn sau đây làm giá trị tham chiếu

Vật liệu áp dụng	ACGIH TLV, Phiên bản 1999	Viện Hàn lâm VSCN, Nhật Bản Phiên bản 1999
Hạt nhôm	10,0mg/m ³	Hạt hít phải 0,5mg/m ³

Lưu ý: Nếu không có lưu ý đặc biệt, có thể làm việc lâu dài trong vòng 8 tiếng/ ngày và 5 ngày/ tuần trong điều kiện trên.

Các biện pháp đối với thiết bị: Khi không thể duy trì hàm lượng hạt trong phạm vi cho phép, cần trang bị thiết bị phù hợp với thông gió cục bộ.

Bảo hộ cá nhân:

Bảo vệ đường hô hấp: Đeo mặt nạ phòng độc khi hạt và phoi nhỏ xuất hiện trong phạm vi nhất định.

Bảo vệ mắt: Đeo kính bảo hộ trong quá trình vận hành khi phơi nhiễm với các hạt và phoi nhỏ.

Bảo vệ tay: Đeo găng tay để bảo vệ cho tay không bị đứt và xây xát do các cạnh của tấm.

Bảo vệ da: Mặc quần áo lao động và đi giày bảo hộ.

9. Tính chất lý học và hóa học

Hình dạng: Tấm dày 3 đến 6mm, được phủ một lớp dày 25 đến 50 microns

Nhiệt độ sôi: Xấp xỉ 2500°C với nhôm

Nhiệt độ nóng chảy: Xấp xỉ 645°C với nhôm

Trọng lượng riêng: 2,7g/cm³ với nhôm

0,89 đến 1,54g/cm³ với polyethylene

Tính tan: Không tan trong nước

10. Độ bền và phản ứng hóa học

Nhiệt độ bắt lửa: Xấp xỉ 340°C với polyetylen

Nhiệt độ bốc cháy: Lớn hơn hoặc bằng 400°C với polyetylen

Khả năng tự cháy: Không

Xu hướng bị oxy hóa: Không

Phản ứng với nước: Không

Tự phản ứng: Không

Nguy hiểm nổ của phân tử: Không

Phản ứng khác: Không

Độ bền: Bền

Phản ứng khác: Không

11. Thông tin về độc tính

Sản phẩm (độ dày 4mm) đã vượt qua Thử nghiệm về độc tính khi đốt cháy theo Luật

Xây dựng và Phòng cháy Thống nhất của Tiểu bang New York.

Không có thông tin nào ngoài thông tin trên

12. Thông tin về sinh thái

Không có thông tin

13. Lưu ý khi tiêu hủy

Theo các quy định chính thức về tiêu hủy chất thải, thiêu hủy hoặc tái chế như chất thải từ nhà máy.

14. Thông tin về vận chuyển

Sản phẩm được đóng trong kiện gỗ để vận chuyển.

Trong quá trình vận chuyển, tránh để sản phẩm bị ướt.

15. Các quy định:

Không có quy định áp dụng

16. Thông tin khác:

Thông tin có trong tài liệu này được căn cứ theo dữ liệu hiện được coi là chính xác. Tuy nhiên, không có đảm bảo nào về tính chính xác của những dữ liệu này hoặc các kết quả thu được từ việc sử dụng những dữ liệu này. Mitsubishi Chemical Functional Products, Inc. và các công ty liên kết không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với thương tích cá nhân hay thiệt hại về tài sản của bên mua, bên sử dụng hoặc các bên thứ ba do vật liệu này gây ra. Bên mua và bên sử dụng phải tự chịu mọi rủi ro liên quan tới việc sử dụng vật liệu này.